

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI SẢN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1
Tháng 08 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: 05/09/2009

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỶ BÁO CÁO Tháng 08/2009	KỶ TRƯỚC Tháng 07/2009
1	Tiền	89,539,230,734	171,004,340,035
2	Các khoản đầu tư	2,401,839,280,397	2,014,885,983,428
2.1	Trái phiếu	341,611,402,265	340,216,203,839
2.2	Cổ phiếu	2,060,227,878,132	1,674,669,779,589
2.2.1	CP niêm yết	1,443,806,001,300	1,112,094,682,800
2.2.2	CP chưa niêm yết	616,421,876,832	562,575,096,789
3	Cổ tức được nhận	1,190,070,000	3,069,046,000
4	Lãi được nhận	8,827,867,423	7,395,778,993
4.1	Lãi trái phiếu	8,647,437,000	6,343,381,000
4.2	Lãi TGNH	180,430,423	1,052,397,993
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	24,694,296,400	3,506,400
6	Các khoản phải thu khác		
7	Các tài sản khác	81,500,000,000	82,687,398,537
	TỔNG TÀI SẢN	2,607,590,744,954	2,279,046,053,393
STT	NỢ	KỶ BÁO CÁO Tháng 08/2009	KỶ TRƯỚC Tháng 07/2009
8	Tiền phải thanh toán GD chứng khoán	6,012,383,734	2,602,564,654
8.1	Phải trả GDCK niêm yết	5,384,800,000	2,204,100,000
8.2	Phí môi giới GDCK	627,583,734	398,464,654
9	Các khoản phải trả khác	4,731,499,821	4,167,932,709
9.1	Phí quản lý quỹ	4,335,593,130	3,793,701,676
9.2	Phí lưu ký, giám sát	173,423,725	151,748,067
9.3	Thù lao BDD	46,000,000	46,000,000
9.5	Phí kiểm toán		
9.6	Phải trả khác	176,482,966	176,482,966
10	Cổ tức phải trả cho nhà đầu tư VF1		
	TỔNG NỢ	10,743,883,555	6,770,497,363
	TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	2,596,846,861,399	2,272,275,556,030
11	Tổng số đơn vị quỹ	100,000,000	100,000,000
12	Giá trị của một đơn vị quỹ	25,968	22,723

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 08 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: 05/09/2009

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 08/2009	KỲ TRƯỚC Tháng 07/2009
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	2,272,275,556,030	2,113,256,503,724
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	324,571,305,369	159,019,052,306
	Trong đó	-	-
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	324,571,305,369	159,019,052,306
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	2,596,846,861,399	2,272,275,556,030
IV	Giá trị của một đơn vị Quỹ	25,968	22,723

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1
Tháng 08 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
4 Ngày lập báo cáo: 05/09/2009

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 08/2009	KỲ TRƯỚC Tháng 07/2009	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM 2009
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	5,670,673,099	10,995,619,882	57,743,810,425
1	Cổ tức được nhận	2,566,644,800	4,044,512,500	28,042,647,980
2	Lãi được nhận	3,104,028,299	6,950,508,215	29,700,477,884
2.1	Lãi TGNH	799,972,299	1,791,305,215	13,503,490,884
2.2	Lãi trái phiếu	2,304,056,000	5,159,203,000	16,196,987,000
3	Thu nhập khác		599,167	684,561
II	Chi phí	4,617,898,662	4,978,628,359	29,151,686,021
1	Phí quản lý quỹ	4,335,593,130	3,793,701,676	25,920,259,166
2	Phí lưu ký, giám sát	173,423,725	151,748,067	1,144,394,903
3	Các loại chi phí khác	108,881,807	1,033,178,616	2,087,031,952
	Phí ngân hàng	6,357,036	7,379,165	52,151,900
	Thù lao Ban đại diện	46,000,000	38,000,000	408,000,000
	Phí môi giới bán CK	53,311,580	15,020,000	570,965,194
	Phí quản lý niêm yết & lưu ký	3,213,191	4,571,592	47,702,958
	Phí kiểm toán			40,004,041
	Phí họp Đại hội nhà đầu tư thường niên		839,842,481	839,842,481
	Phí họp Ban Đại Diện Quỹ VF1		37,235,481	37,235,481
	CP công tác phí BDD quỹ		63,741,314	63,741,314
	Chi phí khác		27,388,583	27,388,583
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)	1,052,774,437	6,016,991,523	28,592,124,404
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	323,518,530,932	153,002,060,783	871,282,693,647
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	2,664,793,185		(36,614,382,716)
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	322,041,136,284	151,814,662,246	907,897,076,363
3	Ghi nhận quyền phát hành thêm cp	(1,187,398,537)	1,187,398,537	
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV)	324,571,305,369	159,019,052,306	899,874,818,051

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM